**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**KHU VỰC 9- TÂY NINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
**TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2025.
V/v tranh chấp: *"Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Văn Thành.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Lê Thị Sắc.
2. Ông Trần Thanh Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh*** *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm: 1996.
*Bị đơn*: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm: 1990.
Cùng địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Tây Ninh.

*(Các đương sự có mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2025, biên bản ghi lời khai và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Trường G có tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An (Nay là xã K, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 15/10/2020. Quá trình chung sống thì vợ chồng bà có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/12/2021, giới tính: Nam. Thời gian sau khi kết hôn bà và ông G chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau này giữa bà và ông G thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, ông G có tính cách gia trưởng, không chăm lo cuộc sống vợ chồng, hơn nữa ông G còn có hành vi đánh đập bà phải nằm viện điều trị, nên bà nhận thấy không còn hạnh phúc, bà không thể tiếp tục sống chung với ông G, bà và ông G đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Trường G.

Về con chung: Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng N và bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong lễ cưới của vợ chồng bà và ông G được bên chồng có cho 08 chỉ vàng 24kara gồm một đôi bông tai trị giá 01 chỉ vàng 24 kara, 01 sợi dây chuyền trị giá 05 chỉ vàng 24kara, 01 lắc tay trị giá 02 chỉ vàng 24 kara và 01 cặp nhẫn cưới trị giá 01 chỉ vàng 18 kara, trong thời gian chung sống vợ chồng bà đã bán 01 lắc tay trị giá 02 chỉ vàng 24 kara. Nay bà yêu cầu chia đôi 06 chỉ vàng 24 kara, mỗi người 03 chỉ vàng 24 kara, không yêu cầu chia 01 cặp nhẫn cưới trị giá 01 chỉ vàng 18 kara.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn ông Nguyễn Trường G trình bày:*

Ông G thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, trong thời gian chung sống vợ chồng ông có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/12/2021, giới tính: Nam. Về mâu thuẫn vợ chồng ông G cho rằng mâu thuẫn giữa ông và bà T không trầm trọng, có thể tiếp tục chung sống với nhau, trường hợp bà T kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng N và ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con chung cho bà T được quyền trực tiếp nuôi con thì ông đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung Nguyễn Hoàng N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Khi kết hôn cha mẹ ông có cho vợ chồng 01 chỉ vàng 24 kara, 01 sợi dây chuyền trị giá 05 chỉ vàng 24kara, 01 lắc tay trị giá 02 chỉ vàng 24 kara và 01 cặp nhẫn cưới trị giá 01 chỉ vàng 18 kara. Nay ông không đồng ý chia đôi cho bà T 03 chỉ vàng 24 kara vì ông muốn sau khi ly hôn số vàng này để cho con (hiện số vàng này ông G đang quản lý).

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Về hôn nhân: Vợ chồng bà T và ông G có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà T nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông G phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gỗ với nhau do bất đồng quan điểm sống, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, hơn nữa bà và ông G đã sống ly thân từ tháng 07/2025 cho đến nay và ông G cũng đồng ý ly hôn với bà T nên yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông G là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

+ Về con chung: Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/12/2021, ông G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/12/2021, giới tính: nam. Xét thấy: Bà T hiện đang làm thuê may gia công, làm nail có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng

5-6 triệu đồng, ông G phụ giúp cha mẹ làm ruộng, thu nhập theo mùa lúa, cháu N chỉ mới 04 tuổi nên cần để bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo về vật chất lẫn tinh thần, hơn nữa bà T có thu nhập ổn định để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/12/2021 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về cấp dưỡng: Ông G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi là sự tự nguyện nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

+ Về nợ chung: Bà T, ông G không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: bà T yêu cầu chia đôi 06 chỉ vàng 24 kara, ông G không đồng ý chia đôi phần tài sản chung theo yêu cầu của bà T vì đây là vàng cưới cha mẹ ruột ông cho khi vợ chồng đám cưới, nếu ly hôn thì đây không còn là tài sản của vợ chồng. Xét thấy: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của ông G ngày 15/9/2025 ông G thừa nhận vợ chồng ông có phần tài sản chung là 06 chỉ vàng 24 kara và tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15/9/2025 và tại phiên tòa ông G thừa nhận còn giữ 06 chỉ vàng 24kara. Ông G, bà T thừa nhận số vàng này là vàng cưới được ba mẹ cho khi hôn nhân nên đây là tài sản chung của vợ chồng ông G, bà T. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà T chia đôi 06 chỉ vàng 24 kara.

Từ những nhận định trên, cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015căn cứ các Điều 33, 38, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về thủ tục tố tụng:***

Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án:***

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông G là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên phát sinh mâu thuẫn, cha mẹ hai bên đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không được, bà T kiên quyết ly hôn với ông G, Tòa án đã thụ lý tiến hành hòa giải cho đoàn tụ và kéo dài thời gian theo đúng quy định pháp luật để ông G có điều kiện tự điều chỉnh mâu thuẫn và có phương pháp đoàn tụ gia đình, nhưng ông G không có phương pháp giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2025 cho đến nay, tại phiên tòa ông G cũng thống nhất ly hôn với bà T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông G là có căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 tại khoản 2, 3 Điều 4 và các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà T, ông G có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/12/2021, hiện cháu N chưa đủ 4 tuổi nên giao cho bà Nguyễn Thị Bé T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là phù hợp, đồng

thời xét thấy thời gian qua con chung, bà T giữ 10 ngày rồi giao lại cho ông G giữ 10 ngày cũng là biện pháp tốt nhưng để có trách nhiệm riêng thì Tòa án phải giao trực tiếp cho mẹ nuôi.

[3] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa ông G ý kiến nếu Tòa án giao con chung cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/12/2021 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

[4] Về tài sản: Xét thấy vàng cưới là tài sản chung của vợ chồng, hiện ông G thừa nhận đang quản lý 06 chỉ vàng 24 kara nên ông G phải có nghĩa vụ giao lại cho bà T 03 chỉ vàng 24kara, ông G được giữ lại tài sản là 03 chỉ vàng 24kara (Ông G, bà T cùng thống nhất giá vàng 24 kara là 14.850.000 đồng/01 chỉ).

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và tiền án phí chia tài sản chung.

Ông Nguyễn Trường G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Các Điều 17, 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
*Tuyên xử:*

**1. Về hôn nhân**: Bà Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với ông Nguyễn Trường G.

**2. Về con chung**: Bà Nguyễn Thị Bé T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/12/2021, giới tính: Nam.
Ông Nguyễn Trường G có nghĩa vụ giao con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/12/2021, giới tính: Nam cho bà Nguyễn Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

**3. Về cấp dưỡng:** Ông Nguyễn Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/12/2021, giới tính: Nam mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2026 đến khi con chung Nguyễn Hoàng N đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Trường G không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông G thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

**4. Về tài sản chung:**

Ông Nguyễn Trường G được hưởng 03 chỉ vàng 24kara.

Bà Nguyễn Thị Bé T được hưởng 03 chỉ vàng 24kara (loại vàng nhẫn).

Ông Nguyễn Trường G có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Bé T 03 chỉ vàng 24kara (loại vàng nhẫn).

**5. Về án phí**:

Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí án dân sự sơ thẩm là (14.850.000 đồng x 03 chỉ vàng 24 kara = 44.550.000 đồng) x 5% = 2.227.000 đồng (đã làm tròn) và 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp là 1.600.000 đồng theo biên lai điện tử số 0005833 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Bé T còn phải nộp tiếp số tiền 927.000 đồng.

Ông Nguyễn Trường G phải chịu 2.227.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Ngô Văn Thành**

*- TAND tỉnh;*
*- VKSND huyện/tỉnh.*
*- Chi cục THADS.*
*- UBND xã K;*
*- Các đương sự.*
*- Lưu hồ sơ.*
*- Lưu án văn.*